

Mã đề: SD9-201

(Đề gồm có 03 trang)

Họ tên :..... Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án

Câu 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) quyết định lấy ngày..... hàng năm là ngày kỉ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- A. 2/2 B. 3/2 C. 4/2 D. 5/2

Câu 2. Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp tham gia các hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp (1919). Từ đây, những hoạt động yêu nước của Người bắt đầu dưới cái tên

- A. Nguyễn Sinh Cung B. Nguyễn Tất Thắng
C. Nguyễn Ái Quốc D. Hồ Chí Minh

Câu 3. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ngày 22/12/1944 do ai chỉ huy?

- A. Tôn Đức Thắng. B. Hồ Chí Minh.
C. Huỳnh Thúc Kháng. D. Võ Nguyên Giáp.

Câu 4. Từ giữa thập niên 50 đến nửa sau thập niên 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, khôi phục vị thế cường quốc công nghiệp ____ thế giới

- A. đứng đầu B. thứ hai C. thứ ba D. thứ tư

Câu 5. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949 có ý nghĩa quan trọng nhất là

- A. phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mỹ.
B. trở thành quốc gia duy nhất có vũ khí nguyên tử.
C. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.
D. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.

Câu 6. Đất nước nào là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ La-tinh?

- A. Chi-lê. B. Bra-xin. C. Ác-hen-ti-na. D. Cu-ba.

Câu 7. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao ở khu vực nào của Việt Nam?

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng
B. Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Trung du và miền núi phía Bắc

Câu 8. Hoạt động nào sau đây *không* thuộc ngành dịch vụ?

- A. Thương mại B. Bưu chính viễn thông
C. Vận tải hành khách D. Chế biến thực phẩm

Câu 9. Hoạt động nào sau đây thuộc bưu chính?

- A. Gọi video qua Internet B. Lắp đặt mạng internet
C. Gửi thư và bưu phẩm D. Phát sóng truyền hình

Câu 10. Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ B. Bắc Trung Bộ

C. Nam Trung Bộ

D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 11. Vì sao ở Đồng bằng sông Hồng có thể phát triển được rau vụ đông?

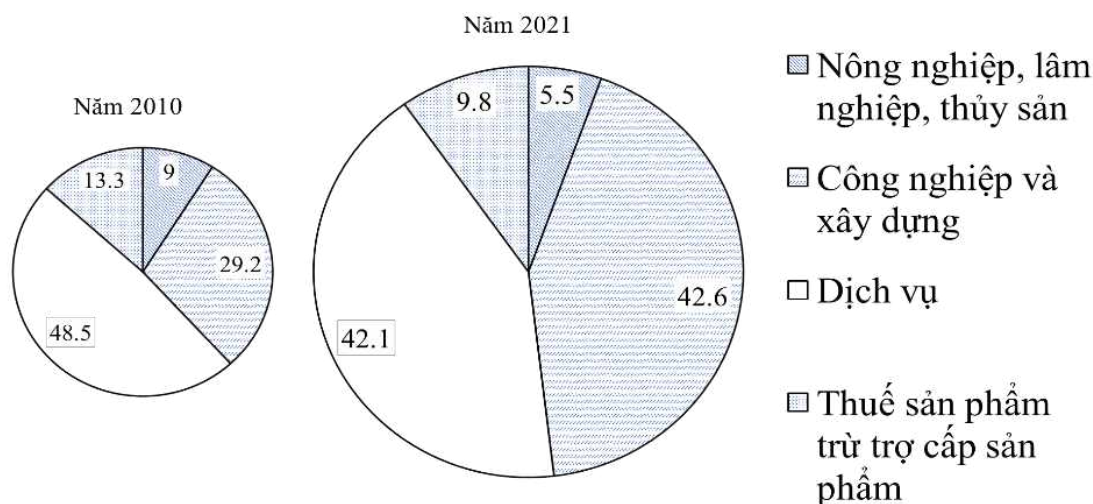
A. Mùa đông lạnh, có mưa phùn

B. Mùa hè nóng và khô

C. Mùa đông rất lạnh, có tuyết

D. Mùa hè mưa nhiều và bão mạnh

Câu 12. Nhận xét nào sau đây đúng.



Biểu đồ thể hiện cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) của vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2010 và 2021 (Đơn vị: %)

A. Ngành dịch vụ tăng nhanh, chiếm tỉ trọng cao nhất năm 2021

B. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng nhanh, chiếm tỉ trọng thấp nhất

C. Ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhanh, chiếm tỉ trọng cao nhất năm 2021

D. Thuế trợ cấp sản phẩm đang tăng theo thời gian

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau:

“...Cuốn sách không đề tên tác giả và được lưu hành trong Việt kiều ở Quảng Châu..., cuốn sách tóm tắt những bài giảng của đồng chí ấy về chủ nghĩa Mác - Lênin và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Cuốn “Đường Kách mệnh” là sự tiếp theo một cách lô-gic cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”. Nếu trong cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”, Nguyễn Ái Quốc thẳng tay vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp trong những lãnh thổ thuộc địa bao la của chúng thì trong cuốn “Đường Kách mệnh”, Nguyễn Ái Quốc vạch ra con đường cụ thể giải phóng dân tộc”.

(Evgeny Kobelev, Đồng chí Hồ Chí Minh, NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1985, tr.142)

Nhận định	Đúng	Sai
a. Tác phẩm “Đường Kách mệnh” được xuất bản (1927) đã chấm dứt hoàn toàn sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo ở Việt Nam.		
b. “Bản án chế độ thực dân Pháp” và “Đường Kách mệnh” đều được Nguyễn Ái Quốc soạn thảo trong quá trình hoạt động tại Pháp.		
c. Trong cuốn “Đường Kách mệnh” Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu vạch ra phương hướng, con đường cụ thể để giải phóng dân tộc Việt Nam.		
d. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều sách, báo, tác phẩm chính trị nhằm tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa.		

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu những năm 1989 - 1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất chưa từng có

trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, dẫn đến hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa.

Từ những đồ vỡ ấy, nhiều bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách - đổi mới, nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hoá của mỗi quốc gia dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

Nhận định	Đúng	Sai
a. Sự sụp đổ của Liên Xô đã tạo ra nhiều ưu thế, giúp Mỹ vươn lên xác lập thành công trật tự thế giới đơn cực.		
b. Từ công cuộc cải tổ không thành công và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô cho thấy toàn cầu hóa là thời cơ nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với các dân tộc		
c. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là một tổn thất to lớn với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.		
d. Một bài học rút ra từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn		

Câu 15. Dựa vào kiến thức đã học, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý sau.

Nhận định	Đúng	Sai
a. Trung du và miền núi phía Bắc có lợi thế nổi bật về thủy điện		
b. Trung du và miền núi phía Bắc có tiềm năng khai thác khoáng sản, đặc biệt khai thác than		
c. Đồng bằng sông Hồng có đất phù sa nên thuận lợi mở rộng diện tích cây công nghiệp lâu năm.		
d. Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và thu hút lao động.		

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16. Việc đồng bằng sông Hồng tiếp giáp Biển Đông có ý nghĩa quan trọng phát triển ngành kinh tế nào?

Câu 17. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là gì?

Câu 18. Loại đất nào ở vùng đồng bằng sông Hồng thích hợp cho phát triển cây lương thực?

Câu 19. Một tuyến cảng biển mới được xây dựng, tác động trực tiếp đến ngành dịch vụ nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học về cuộc cách mạng Cu-ba, em hãy:

a. (1,0 điểm) Trình bày cuộc cách mạng Cu-ba năm 1959.

b. (0,5 điểm) Đánh giá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba (1961-1991)

Câu 2. (1,5 điểm) Trình bày sự khác nhau về thể mạnh kinh tế giữa khu vực Đông Bắc và khu vực Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

---Hết---

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án

Câu 1. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ngày 22/12/1944 do ai chỉ huy?

- A. Võ Nguyên Giáp. B. Hồ Chí Minh.
C. Huỳnh Thúc Kháng. D. Tôn Đức Thắng.

Câu 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) quyết định lấy ngày..... hàng năm là ngày kỉ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- A. 2/2 B. 3/2 C. 4/2 D. 5/2

Câu 3. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949 có ý nghĩa quan trọng nhất là

- A. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.
B. trở thành quốc gia duy nhất có vũ khí nguyên tử.
C. phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mỹ.
D. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.

Câu 4. Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp tham gia các hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp (1919). Từ đây, những hoạt động yêu nước của Người bắt đầu dưới cái tên

- A. Nguyễn Sinh Cung B. Nguyễn Tất Thắng
C. Nguyễn Ái Quốc D. Hồ Chí Minh

Câu 5. Từ giữa thập niên 50 đến nửa sau thập niên 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, khôi phục vị thế cường quốc công nghiệp ____ thế giới

- A. đứng đầu B. thứ tư C. thứ ba D. thứ hai

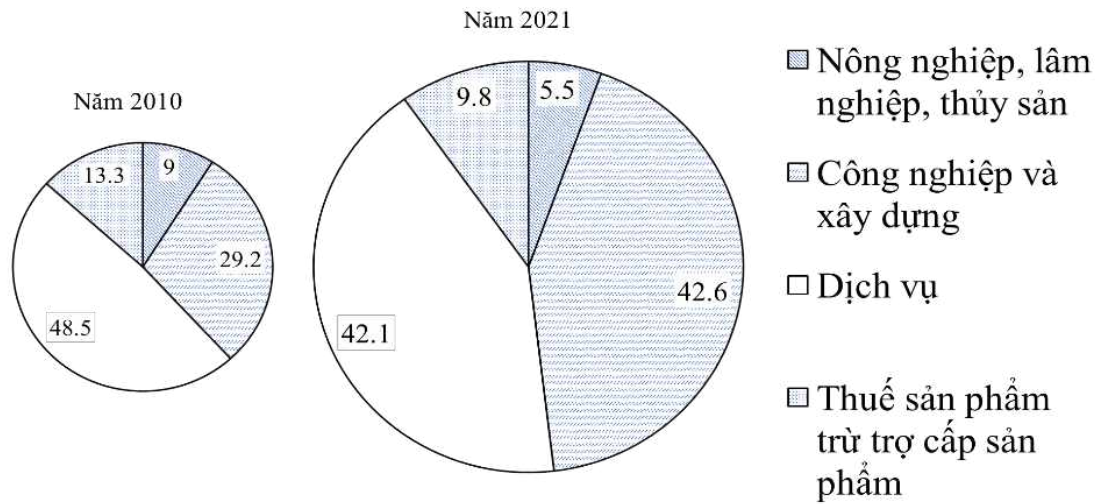
Câu 6. Đất nước nào là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ La-tinh?

- A. Chi-lê. B. Bra-xin. C. Ác-hen-ti-na. D. Cu-ba.

Câu 7. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao ở khu vực nào của Việt Nam?

- A. Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng
B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Trung du và miền núi phía Bắc

Câu 8. Nhận xét nào sau đây đúng.



Biểu đồ thể hiện cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) của vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2010 và 2021 (Đơn vị: %)

- A. Ngành dịch vụ tăng nhanh, chiếm tỉ trọng cao nhất năm 2021
 B. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng nhanh, chiếm tỉ trọng thấp nhất
 C. Ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhanh, chiếm tỉ trọng cao nhất năm 2021
 D. Thuế trợ cấp sản phẩm đang tăng theo thời gian

Câu 9. Hoạt động nào sau đây *không* thuộc ngành dịch vụ?

- A. Chế biến thực phẩm B. Bưu chính viễn thông
 C. Vận tải hành khách D. Thương mại

Câu 10. Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ B. Bắc Trung Bộ
 C. Nam Trung Bộ D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 11. Hoạt động nào sau đây thuộc bưu chính?

- A. Gọi video qua Internet B. Lắp đặt mạng internet
 C. Gửi thư và bưu phẩm D. Phát sóng truyền hình

Câu 12. Vì sao ở Đồng bằng sông Hồng có thể phát triển được rau vụ đông?

- A. Mùa đông lạnh, có mưa phùn B. Mùa hè nóng và khô
 C. Mùa đông rất lạnh, có tuyết D. Mùa hè mưa nhiều và bão mạnh

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau:

“...Cuốn sách không đề tên tác giả và được lưu hành trong Việt kiều ở Quảng Châu..., cuốn sách tóm tắt những bài giảng của đồng chí ấy về chủ nghĩa Mác - Lênin và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Cuốn “Đường Kách mệnh” là sự tiếp theo một cách lô-gic cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”. Nếu trong cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”, Nguyễn Ái Quốc thẳng tay vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp trong những lãnh thổ thuộc địa bao la của chúng thì trong cuốn “Đường Kách mệnh”, Nguyễn Ái Quốc vạch ra con đường cụ thể giải phóng dân tộc”.

(Evgeny Kobelev, Đồng chí Hồ Chí Minh, NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1985, tr.142)

Nhận định	Đúng	Sai
a. Trong cuốn “Đường Kách mệnh” Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu vạch ra phương hướng, con đường cụ thể để giải phóng dân tộc Việt Nam.		
b. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều sách, báo, tác phẩm chính trị nhằm tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa.		
c. Tác phẩm “Đường Kách mệnh” được xuất bản (1927) đã chấm dứt hoàn		

toàn sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo ở Việt Nam.		
d. “Bản án chế độ thực dân Pháp” và “Đường Kách mệnh” đều được Nguyễn Ái Quốc soạn thảo trong quá trình hoạt động tại Pháp.		

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu những năm 1989 - 1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, dẫn đến hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa.

Từ những đổ vỡ ấy, nhiều bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách - đổi mới, nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hoá của mỗi quốc gia dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

Nhận định	Đúng	Sai
a. Từ công cuộc cải tổ không thành công và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô cho thấy toàn cầu hóa là thời cơ nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với các dân tộc		
b. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là một tổn thất to lớn với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.		
c. Một bài học rút ra từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn		
d. Sự sụp đổ của Liên Xô đã tạo ra nhiều ưu thế, giúp Mỹ vươn lên xác lập thành công trật tự thế giới đơn cực.		

Câu 15. Dựa vào kiến thức đã học, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý sau.

Nhận định	Đúng	Sai
a. Trung du và miền núi phía Bắc có lợi thế nổi bật về thủy điện		
b. Trung du và miền núi phía Bắc có tiềm năng khai thác khoáng sản, đặc biệt khai thác than		
c. Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và thu hút lao động.		
d. Đồng bằng sông Hồng có đất phù sa nên thuận lợi mở rộng diện tích cây công nghiệp lâu năm.		

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16. Loại đất nào ở vùng đồng bằng sông Hồng thích hợp cho phát triển cây lương thực?

Câu 17. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là gì?

Câu 18. Việc đồng bằng sông Hồng tiếp giáp Biển Đông có ý nghĩa quan trọng phát triển ngành kinh tế nào?

Câu 19. Một tuyến cảng biển mới được xây dựng, tác động trực tiếp đến ngành dịch vụ nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học về cuộc cách mạng Cu-ba, em hãy:

a. (1,0 điểm) Trình bày cuộc cách mạng Cu-ba năm 1959.

b. (0,5 điểm) Đánh giá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba (1961-1991)

Câu 2. (1,5 điểm) Trình bày sự khác nhau về thế mạnh kinh tế giữa khu vực Đông Bắc và khu vực Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

---Hết---

MÃ ĐỀ SD6-101

(Đề gồm có 02 trang)

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống chủ yếu ở lưu vực hai con sông nào?

- A. Hoàng Hà và Trường Giang. B. Ô-phorat và Ti-gro.
C. Ấn và Hằng. D. Hồng và Mã.

Câu 2. Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo nào dưới đây?

- A. Hin đú giáo và Phật giáo. B. Nho giáo và Phật giáo.
C. Hin đú giáo và Thiên chúa giáo D. Nho giáo và Đạo giáo.

Câu 3. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia thành mấy đẳng cấp?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 4. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía đông nam của châu Á. B. phía tây nam của châu Á.
C. phía đông bắc của châu Á. D. phía đông của châu Á.

Câu 5. Vương quốc nào phát triển nhất ở khu vực Đông Nam Á trong khoảng bảy thế kỉ đầu Công nguyên?

- A. Văn Lang. B. Phù Nam. C. Âu Lạc. D. Pê-gu.

Câu 6. Những mặt hàng chủ yếu nào được dùng trong trao đổi và buôn bán ở Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?

- A. Đồ gốm.
B. Dầu ô liu và rượu nho.
C. Trầm hương, nước mắm.
D. Hồ tiêu, đậu khấu, trầm hương, san hô, ngọc trai.

Câu 7. Khoáng sản nào thuộc nhóm năng lượng?

- A. Sắt. B. Đá vôi. C. Than đá. D. Đồng.

Câu 8. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, hành tinh nào đứng sau Trái Đất?

- A. Mộc tinh. B. Kim tinh. C. Hỏa tinh. D. Thổ tinh.

Câu 9. Trong các hành tinh sau, hành tinh nào KHÔNG thuộc Hệ Mặt Trời?

- A. Thổ tinh. B. Hải Vương tinh.
C. Sao Diêm Vương. D. Thiên Vương tinh.

Câu 10. Khoáng sản năng lượng còn được gọi là:

- A. Khoáng sản quý hiếm. B. Khoáng sản nhiên liệu.
C. Khoáng sản hóa học. D. Khoáng sản phi kim.

Câu 11. Hệ Mặt Trời có bao nhiêu hành tinh?

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 12. Nơi tập trung nhiều khoáng sản được gọi là:

- A. Mô khoáng sản. B. Nhà máy khoáng sản.
C. Kho chứa khoáng sản. D. Địa hình khoáng sản.

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Mỗi câu có 4 ý a,b,c,d ghi đúng hoặc sai.

Câu 13. Những nhận định sau về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát

triển của nền văn minh Hy Lạp là đúng hay sai:

Nhận định	Đúng/Sai
a. Địa hình chủ yếu đồi núi, đất khô cằn chỉ thích hợp trồng những loại cây chịu hạn như nho và ô liu	
b. Hy Lạp có khoáng sản phong phú giúp phát triển nghề luyện kim, chế tác đá và làm đồ gốm.	
c. Đường bờ biển dài chỉ thuận lợi cho đánh bắt hải sản, không có tác dụng gì đối với giao thương và buôn bán.	
d. Lãnh thổ Hy Lạp cổ đại chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo Ban -căng	

Câu 14. *“La Mã không chỉ là lịch sử của những hoàng đế; đó là lịch sử của một xã hội đã tạo ra mô hình đô thị, giao thông và pháp lý mà thế giới hiện đại vẫn còn dựa vào.”* (Mary Beard – Học giả La Mã). Vậy từ kiến thức đã học và câu nói trên, hãy cho biết những nhận định sau là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
a. La Mã cổ đại đã đặt nền móng cho hệ thống pháp luật được nhiều quốc gia hiện đại kế thừa.	
b. La Mã chỉ đóng góp cho lĩnh vực quân sự, chứ không ảnh hưởng đến mô hình đô thị hay giao thông hiện đại.	
c. Việc xây dựng đường sá, cầu cống của La Mã cổ đại được xem là một trong những cơ sở hình thành mạng lưới giao thông châu Âu sau này.	
d. Lịch sử La Mã chỉ xoay quanh các hoàng đế và chiến tranh, không liên quan đến sự phát triển xã hội.	

Câu 15. Các nhận định sau đây về các dạng địa hình trên Trái Đất là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
a. Núi chỉ gồm hai bộ phận là đỉnh và sườn núi.	
b. Núi là dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên mặt đất.	
c. Núi thường có độ cao trên 500m so với mực nước biển.	
d. Cao nguyên là vùng đất tương đối rộng lớn, bề mặt bằng phẳng và sườn dốc.	

Phần III. (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu học sinh ghi câu trả lời ngắn

Câu 16. Quỹ đạo chuyển động của Trái Đất có dạng hình gì?

Câu 17. Trái Đất mất bao lâu để quay một vòng quanh Mặt Trời?

Câu 18. Nếu leo lên núi cao, người ta thường cảm thấy lạnh hơn. Điều này liên quan như thế nào đến đặc điểm của tầng đối lưu?

Câu 19. Giải thích vì sao lớp ô-dôn ở tầng bình lưu lại có vai trò quan trọng đối với sự sống trên Trái Đất.

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm).

Em hãy nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại. Cho biết thành tựu nào của La Mã cổ đại vẫn còn được ứng dụng trong thời kì hiện đại?

Câu 21. (1,5 điểm).

Phân tích vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.

---Hết---

MÃ ĐỀ SD6-102

(Đề gồm có 02 trang)

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Những mặt hàng chủ yếu nào được dùng trong trao đổi và buôn bán ở Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?

- A. Đồ gốm.
- B. Dầu ô liu và rượu nho.
- C. Trầm hương, nước mắm.
- D. Hồ tiêu, đậu khấu, trầm hương, san hô, ngọc trai.

Câu 2. Cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống chủ yếu ở lưu vực hai con sông nào?

- A. Hoàng Hà và Trường Giang.
- B. Ô-phơrat và Ti-gro.
- C. Ấn và Hằng.
- D. Hồng và Mã.

Câu 3. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía đông nam của châu Á.
- B. phía tây nam của châu Á.
- C. phía đông bắc của châu Á.
- D. phía đông của châu Á.

Câu 4. Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo nào dưới đây?

- A. Hin đú giáo và Phật giáo.
- B. Nho giáo và Phật giáo.
- C. Hin đú giáo và Thiên chúa giáo
- D. Nho giáo và Đạo giáo.

Câu 5. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia thành mấy đẳng cấp?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 6. Vương quốc nào phát triển nhất ở khu vực Đông Nam Á trong khoảng bảy thế kỉ đầu Công nguyên?

- A. Văn Lang.
- B. Phù Nam.
- C. Âu Lạc.
- D. Pê-gu.

Câu 7. Khoáng sản năng lượng còn được gọi là:

- A. Khoáng sản quý hiếm.
- B. Khoáng sản nhiên liệu.
- C. Khoáng sản hóa học.
- D. Khoáng sản phi kim.

Câu 8. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, hành tinh nào đứng sau Trái Đất?

- A. Mộc tinh.
- B. Kim tinh.
- C. Hỏa tinh.
- D. Thổ tinh.

Câu 9. Khoáng sản nào thuộc nhóm năng lượng?

- A. Sắt.
- B. Đá vôi.
- C. Than đá.
- D. Đồng.

Câu 10. Trong các hành tinh sau, hành tinh nào KHÔNG thuộc Hệ Mặt Trời?

- A. Thổ tinh.
- B. Hải Vương tinh.
- C. Sao Diêm Vương.
- D. Thiên Vương tinh.

Câu 11. Hệ Mặt Trời có bao nhiêu hành tinh?

- A. 6
- B. 7
- C. 8
- D. 9

Câu 12. Nơi tập trung nhiều khoáng sản được gọi là:

- A. Mô khoáng sản.
- B. Nhà máy khoáng sản.
- C. Kho chứa khoáng sản.
- D. Địa hình khoáng sản.

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Mỗi câu có 4 ý a,b,c,d ghi đúng hoặc sai.

Câu 13. Những nhận định sau về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp là đúng hay sai:

Nhận định	Đúng/Sai
a. Đường bờ biển dài chỉ thuận lợi cho đánh bắt hải sản, không có tác dụng gì đối với giao thương và buôn bán.	
b. Hy Lạp có khoáng sản phong phú giúp phát triển nghề luyện kim, chế tác đá và làm đồ gốm.	
c. Địa hình chủ yếu đồi núi, đất khô cằn chỉ thích hợp trồng những loại cây chịu hạn như nho và ô liu.	
d. Lãnh thổ Hy Lạp cổ đại chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng.	

Câu 14. *“La Mã không chỉ là lịch sử của những hoàng đế; đó là lịch sử của một xã hội đã tạo ra mô hình đô thị, giao thông và pháp lý mà thế giới hiện đại vẫn còn dựa vào.”* (Mary Beard – Học giả La Mã). Vậy từ kiến thức đã học và câu nói trên, hãy cho biết những nhận định sau là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
c. Việc xây dựng đường sá, cầu cống của La Mã cổ đại được xem là một trong những cơ sở hình thành mạng lưới giao thông châu Âu sau này.	
b. La Mã chỉ đóng góp cho lĩnh vực quân sự, chứ không ảnh hưởng đến mô hình đô thị hay giao thông hiện đại.	
a. La Mã cổ đại đã đặt nền móng cho hệ thống pháp luật được nhiều quốc gia hiện đại kế thừa.	
d. Lịch sử La Mã chỉ xoay quanh các hoàng đế và chiến tranh, không liên quan đến sự phát triển xã hội.	

Câu 15. Các nhận định sau đây về các dạng địa hình trên Trái Đất là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
d. Cao nguyên là vùng đất tương đối rộng lớn, bề mặt bằng phẳng và sườn dốc.	
b. Núi là dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên mặt đất.	
c. Núi thường có độ cao trên 500m so với mực nước biển.	
a. Núi chỉ gồm hai bộ phận là đỉnh và sườn núi.	

Phần III. (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu học sinh ghi câu trả lời ngắn

Câu 16. Trái Đất mất bao lâu để quay một vòng quanh Mặt Trời?

Câu 17. Quỹ đạo chuyển động của Trái Đất có dạng hình gì?

Câu 18. Nếu leo lên núi cao, người ta thường cảm thấy lạnh hơn. Điều này liên quan như thế nào đến đặc điểm của tầng đối lưu?

Câu 19. Giải thích vì sao lớp ô-dôn ở tầng bình lưu lại có vai trò quan trọng đối với sự sống trên Trái Đất.

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm).

Em hãy nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại. Cho biết thành tựu nào của La Mã cổ đại vẫn còn được ứng dụng trong thời kì hiện đại?

Câu 21. (1,5 điểm).

Phân tích vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.

---Hết---

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn 1 đáp án đúng

Từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu học sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Một trong những tác phẩm văn học chữ Nôm tiêu biểu của Đại Việt ở thế kỉ XVIII là

- A. Cung oán ngâm khúc. B. Tụng giá hoàn kinh sư.
C. Nam quốc sơn hà D. Bình Ngô đại cáo.

Câu 2. Đối với lịch sử dân tộc, Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa năm 1789 có ý nghĩa lớn nhất là:

- A. Chứng minh Tây Sơn là lực lượng quân sự mạnh nhất Đông Nam Á.
B. Mở rộng lãnh thổ Đại Việt ra phía bắc.
C. Bảo vệ nền độc lập dân tộc, củng cố uy tín cho nhà Tây Sơn.
D. Tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

Câu 3. “Đại Minh khách phố” là tên gọi khác của đô thị nào dưới đây?

- A. Kẻ Chợ. B. Phố Hiến. C. Thanh Hà. D. Hội An.

Câu 4. Thế kỉ XVI – XVIII, làng Nho Lâm (Nghệ An) nổi tiếng với nghề thủ công nào sau đây?

- A. Làm giấy. B. Đúc đồng. C. Làm gốm. D. Rèn sắt.

Câu 5. Việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế (Quang Trung) cuối năm 1788 và lập tức xuất trận đánh quân Thanh có ý nghĩa quan trọng nhất là:

- A. Củng cố quyền lực cho riêng Nguyễn Huệ, từ đó xác định quyền lãnh đạo cao nhất trong phong trào Tây Sơn
B. Thống nhất lực lượng, xác định uy quyền của người lãnh đạo Tây Sơn để củng cố tinh thần quân dân
C. Giúp Nguyễn Huệ - Quang Trung dễ dàng thương lượng với các thế lực phong kiến ở Đàng Ngoài.
D. Mở đường để Tây Sơn kiểm soát các các mặt về chính trị, kinh tế, xã hội ở Đàng Trong và cả Đàng Ngoài.

Câu 6. Làng gốm nào nổi tiếng ở Hà Nội từ thế kỉ XVI - XVIII?

- A. Bát Tràng. B. Bàu Trúc. C. Lái Thiêu. D. Thổ Hà

Câu 7. Địa hình nước ta **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Địa hình đồi núi cao chiếm phần lớn.
B. Địa hình chịu tác động của con người.
C. Địa hình có tính phân bậc khá rõ rệt.
D. Chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm.

Câu 8. Gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta vào thời gian nào sau đây?

- A. Từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. B. Từ tháng 5 đến tháng 10.
C. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. D. Từ tháng 5 đến tháng 11.

Câu 9. Nước ta có bao nhiêu con sông dài trên 10km?

- A. 2360 con sông. B. 2630 con sông. C. 3260 con sông. D. 3620 con sông.

Câu 10. Phần lớn sông ngòi nước ta chảy theo hướng nào dưới đây?

- A. Tây bắc - đông nam và vòng cung.
B. Vòng cung và đông bắc - tây nam.
C. Tây - đông hoặc gần bắc - nam.
D. Tây bắc - đông nam và tây - đông.

Câu 11. Ở nước ta, dãy núi nào sau đây chạy theo hướng vòng cung?

- A. Con Voi. B. Tam Đảo. C. Bạch Mã. D. Sông Gâm.

Câu 12. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện qua các yếu tố nào sau đây?

- A. Nhiệt độ và số giờ nắng. B. Lượng mưa và độ ẩm.
C. Độ ẩm và cân cân bức xạ. D. Ánh sáng và lượng mưa.

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Từ câu 13 đến câu 15, mỗi câu có 4 ý a,b,c,d. Học sinh trả lời “đúng” hoặc “sai” cho mỗi ý.

Câu 13. Về “*Những thành công của phong trào Tây Sơn trong lịch sử*”, em hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là “Đúng” hay “Sai”:

- A. Tây Sơn chỉ lật đổ được một chính quyền trong nước, đó là chính quyền chúa Nguyễn.
B. Phong trào Tây Sơn chỉ thành công khi giải quyết những mâu thuẫn nội bộ trong nước Đại Việt.
C. Quân Thanh xâm lược Đại Việt năm 1788 – 1789 và nhanh chóng đại bại vì có lực lượng yếu hơn Tây Sơn.
D. Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút (1785) của Tây Sơn là chiến thắng chống quân xâm lược Xiêm.

Câu 14. Về “*Ý nghĩa của phong trào Tây Sơn*” em hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là “Đúng” hay “Sai”:

- A. Phong trào Tây Sơn thắng lợi đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Việt Nam vì đã đánh đuổi ngoại xâm, giành quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc ta.
B. Thắng lợi của phong trào Tây Sơn đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Việt Nam vì đã chấm dứt tình trạng chia cắt Nam – Bắc triều, thống nhất đất nước
C. Chiến công của Tây Sơn chỉ mang tính chất quân sự mà không làm thay đổi cục diện chính trị Đại Việt cuối thế kỷ XVIII.
D. Thắng lợi của phong trào Tây Sơn ảnh hưởng lớn đến lịch sử và xã hội Đại Việt ở thế kỉ XVIII

Câu 15. Các vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt sau là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
A- Địa hình đồng bằng châu thổ tạo điều kiện phát triển nông nghiệp lúa nước, đô thị hoá, công nghiệp	
B- Địa hình ven biển bằng phẳng giúp Bà Rịa – Vũng Tàu thuận lợi phát triển du lịch biển và khai thác dầu khí ngoài khơi.	
C- Địa hình núi cao ở Sa Pa mang lại lợi thế phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	
D- Khí hậu và địa hình núi cao ở Tam Đảo không tạo được lợi thế cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.	

PHẦN III (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Từ câu 16 đến câu 19. Học sinh ghi câu trả lời ngắn cho mỗi câu.

Câu 16: Ở miền Bắc nước ta, vào nửa đầu mùa đông, gió mùa mùa đông thổi hướng đông bắc gây ra thời tiết gì?

Câu 17: Vì sao nhiệt độ trung bình năm ở nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam?

Câu 18: Khí hậu Việt Nam mang tính chất gì?

Câu 19: Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa với hai mùa gió chính là gió gì?

B. TƯ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1.5 điểm). Em hãy nêu những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 21. (1.5 điểm). Em hãy phân tích vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt?

---Hết---

MÃ ĐỀ SD8-202

(Đề gồm có 02 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn 1 đáp án đúng

Từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu học sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. “Đại Minh khách phố” là tên gọi khác của đô thị nào dưới đây?

- A. Kẻ Chợ. B. Phố Hiến. C. Thanh Hà. D. Hội An.

Câu 2. Làng gốm nào nổi tiếng ở Hà Nội từ thế kỉ XVI - XVIII?

- A. Bát Tràng. B. Bàu Trúc. C. Lái Thiêu. D. Thổ Hà

Câu 3. Thế kỉ XVI – XVIII, làng Nho Lâm (Nghệ An) nổi tiếng với nghề thủ công nào sau đây?

- A. Làm giấy. B. Đúc đồng. C. Làm gốm. D. Rèn sắt.

Câu 4. Một trong những tác phẩm văn học chữ Nôm tiêu biểu của Đại Việt ở thế kỉ XVIII là

- A. Cung oán ngâm khúc. B. Tụng giá hoàn kinh sư.
C. Nam quốc sơn hà D. Bình Ngô đại cáo.

Câu 5. Đối với lịch sử dân tộc, Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa năm 1789 có ý nghĩa lớn nhất là:

- A. Chứng minh Tây Sơn là lực lượng quân sự mạnh nhất Đông Nam Á.
B. Mở rộng lãnh thổ Đại Việt ra phía bắc.
C. Bảo vệ nền độc lập dân tộc, củng cố uy tín cho nhà Tây Sơn.
D. Tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

Câu 6. Việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế (Quang Trung) cuối năm 1788 và lập tức xuất trận đánh quân Thanh có ý nghĩa quan trọng nhất là:

- A. Củng cố quyền lực cho riêng Nguyễn Huệ, từ đó xác định quyền lãnh đạo cao nhất trong phong trào Tây Sơn
B. Thống nhất lực lượng, xác định uy quyền của người lãnh đạo Tây Sơn để củng cố tinh thần quân dân
C. Giúp Nguyễn Huệ - Quang Trung dễ dàng thương lượng với các thế lực phong kiến ở Đàng Ngoài.
D. Mở đường để Tây Sơn kiểm soát các các mặt về chính trị, kinh tế, xã hội ở Đàng Trong và cả Đàng Ngoài.

Câu 7. Địa hình nước ta **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Địa hình đồi núi cao chiếm phần lớn.
B. Địa hình chịu tác động của con người.
C. Địa hình có tính phân bậc khá rõ rệt.
D. Chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm.

Câu 8. Ở nước ta, dãy núi nào sau đây chạy theo hướng vòng cung?

- A. Con Voi. B. Tam Đảo. C. Bạch Mã. D. Sông Gâm.

Câu 9. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện qua các yếu tố nào sau đây?

- A. Nhiệt độ và số giờ nắng. B. Lượng mưa và độ ẩm.
C. Độ ẩm và cán cân bức xạ. D. Ánh sáng và lượng mưa.

Câu 10: Gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta vào thời gian nào sau đây?

- A. Từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. B. Từ tháng 5 đến tháng 10.
C. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. D. Từ tháng 5 đến tháng 11.

Câu 11. Nước ta có bao nhiêu con sông dài trên 10km?

- A. 2360 con sông. B. 2630 con sông. C. 3260 con sông. D. 3620 con sông.

Câu 12. Phần lớn sông ngòi nước ta chảy theo hướng nào dưới đây?

- A. Tây bắc - đông nam và vòng cung.
- B. Vòng cung và đông bắc - tây nam.
- C. Tây - đông hoặc gần bắc - nam.
- D. Tây bắc - đông nam và tây - đông.

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Từ câu 13 đến câu 15, mỗi câu có 4 ý a,b,c,d. Học sinh trả lời “đúng” hoặc “sai” cho mỗi ý.

Câu 13. Về “*Những thành công của phong trào Tây Sơn trong lịch sử*”, em hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là “Đúng” hay “Sai”:

- a. Quân Thanh xâm lược Đại Việt năm 1788 – 1789 và nhanh chóng đại bại vì có lực lượng yếu hơn Tây Sơn.
- b. Tây Sơn chỉ lật đổ được một chính quyền trong nước, đó là chính quyền chúa Nguyễn.
- c. Phong trào Tây Sơn chỉ thành công khi giải quyết những mâu thuẫn nội bộ trong nước Đại Việt.
- d. Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút (1785) của Tây Sơn là chiến thắng chống quân xâm lược Xiêm.

Câu 14. Về “*Ý nghĩa của phong trào Tây Sơn*” em hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là “Đúng” hay “Sai”:

- a. Chiến công của Tây Sơn chỉ mang tính chất quân sự mà không làm thay đổi cục diện chính trị Đại Việt cuối thế kỷ XVIII.
- b. Thắng lợi của phong trào Tây Sơn ảnh hưởng lớn đến lịch sử và xã hội Đại Việt ở thế kỉ XVIII
- c. Phong trào Tây Sơn thắng lợi đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Việt Nam vì đã đánh đuổi ngoại xâm, giành quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc ta.
- d. Thắng lợi của phong trào Tây Sơn đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Việt Nam vì đã chấm dứt tình trạng chia cắt Nam – Bắc triều, thống nhất đất nước

Câu 15. Các vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt sau là đúng hay sai?

Nhận định	Đúng/Sai
a- Khí hậu và địa hình núi cao ở Tam Đảo không tạo được lợi thế cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.	
b- Địa hình ven biển bằng phẳng giúp Bà Rịa – Vũng Tàu thuận lợi phát triển du lịch biển và khai thác dầu khí ngoài khơi.	
c- Địa hình núi cao ở Sa Pa mang lại lợi thế phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	
d- Địa hình đồng bằng châu thổ tạo điều kiện phát triển nông nghiệp lúa nước, đô thị hoá, công nghiệp	

PHẦN III (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Từ câu 16 đến câu 19. Học sinh ghi câu trả lời ngắn cho mỗi câu.

Câu 16: Khí hậu Việt Nam mang tính chất gì?

Câu 17: Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa với hai mùa gió chính là gió gì?

Câu 18: Ở miền Bắc nước ta, vào nửa đầu mùa đông, gió mùa mùa đông thổi hướng đông bắc gây ra thời tiết gì?

Câu 19: Vì sao nhiệt độ trung bình năm ở nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1.5 điểm). Em hãy nêu những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 21. (1.5 điểm). Em hãy phân tích vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt?

---Hết---

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

PHẦN I (3,0 ĐIỂM). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12

Lựa chọn đáp án đúng cho những câu hỏi dưới đây!

Câu 1. Ấn Độ là nơi ra đời của hai tôn giáo lớn nào sau đây?

- A. Ấn Độ giáo và Phật giáo. B. Ấn Độ giáo và Hồi giáo.
C. Ki-tô giáo và Phật giáo. D. Hồi giáo và Ki-tô giáo.

Câu 2. Nam Á có mấy dạng địa hình khác nhau?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 3. Diện tích châu Phi đứng thứ 3 trên thế giới sau các châu lục nào sau đây?

- A. Châu Á và châu Âu. B. Châu Á và châu Mỹ.
C. Châu Âu và châu Mỹ. D. Châu Mỹ và châu Úc.

Câu 4. Châu Á có diện tích phần đất liền là bao nhiêu?

- A. 44,5 triệu km² B. 41,5 triệu km²
C. 40,5 triệu km² D. 34,5 triệu km²

Câu 5. Châu Á **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Đại Tây Dương B. Bắc Băng Dương
C. Thái Bình Dương D. Ấn Độ Dương

Câu 6. Dân cư châu Á tập trung đông đúc nhất ở khu vực địa hình nào sau đây?

- A. Đồng bằng ven biển B. Cao nguyên badan
C. Sơn nguyên đá vôi D. Bán bình nguyên

Câu 7. Tôn giáo chính của Ấn Độ thời kì Gúp- ta là:

- A. Hin- đú B. Phật giáo C. Hồi giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 8. Trong lĩnh vực Thiên văn học người Ấn Độ thời Gúp- ta đã quan sát được hiện tượng gì?

- A. Lỗ xoáy B. Nguyệt thực C. Nhật thực D. Bão

Câu 9. Đế quốc Mô-gôn được thành lập vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ XIII C. Đầu thế kỉ XVI
B. Đầu thế kỉ XV D. Đầu thế kỉ XVII

Câu 10. Chữ viết nào được du nhập và trở thành ngôn ngữ chính dưới vương triều Hồi giáo Đê-li

- A. Chữ Phạn B. Chữ Nôm C. Chữ Hán D. Chữ Ba Tư

Câu 11. Dưới vương triều Hồi giáo Đê-li, kinh tế giữ vai trò quan trọng là

- A. Thương nghiệp B. Nông nghiệp C. Thủ công nghiệp D. Công nghiệp

Câu 12. Đế quốc Mô-gôn phát triển thịnh trị dưới thời vị vua nào?

- A. Tu-lu-sơ B. A-co-ba C. Tần Thủy Hoàng D. A-sô-ca

PHẦN II (3,0 ĐIỂM). Câu trắc nghiệm đúng sai

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 18

Câu 13. Trong giai đoạn từ thế kỉ X đến XVI, nền kinh tế các quốc gia Đông Nam Á chủ yếu dựa vào:

- A. Nông nghiệp.
- B. Công nghiệp cơ khí hiện đại.
- C. Thương nghiệp biển phát triển mạnh vượt trội.
- D. Công nghiệp khai khoáng quy mô lớn.

Chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn đáp án bằng cách đánh dấu “Đúng” (Đ) hoặc “Sai”(S) vào bảng:

"Vào đầu thế kỉ XVI, một bộ phận người Mông Cổ ở Trung Á đã tấn công Ấn Độ. Sau khi đánh bại quân đội của vương triều Hồi giáo Đê-li, lập nên một đế quốc mới, mở ra thời kỳ thống nhất tương đối lâu dài cho Ấn Độ. Đế quốc này nhanh chóng trở thành một cường quốc mạnh về quân sự và kinh tế."

Câu hỏi: Đoạn tư liệu trên mô tả sự ra đời của đế quốc:

A. Đế quốc Gupta	
B. Đế quốc Mô-gôn	
C. Đế quốc Ôttôman	
D. Đế quốc Maurya	

Câu 15: Môi trường tự nhiên châu Phi phần lớn là môi trường nhiệt đới phân bố ở hai bên đường xích đạo.

- a) đúng
- b) sai

Câu 16: Khoáng sản châu Phi rất phong phú và đa dạng.

- a) đúng
- b) sai

Câu 17: Tăng dân số nhanh ở châu Phi không phải là nguyên nhân tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường.

- a) đúng
- b) sai

Câu 18: Tăng dân số nhanh ở châu Phi là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo.

- a) đúng
- b) sai

PHẦN III (1,0 ĐIỂM). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Học sinh trả lời từ câu 19 đến câu 22

Câu hỏi 19: Hiện nay châu Á có bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

Câu hỏi 20: Trên bản đồ chính trị, châu Á được phân chia thành những khu vực nào?

Câu hỏi 21: Khu vực Đông Nam Á gồm bao nhiêu quốc gia?

Câu hỏi 22: Khu vực nào của châu Á không tiếp giáp với đại dương?

B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM).

Câu 23:(1.5 điểm)

Những nhân tố nào làm cho châu Phi có khí hậu khô nóng?

Câu 24: (1.5 điểm)

Nêu chính sách cải cách của vua A-cơ -ba về lĩnh vực xã hội? Theo em, với chính sách đó thì xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn như thế nào?

HẾT

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 18

Câu 13. Trong giai đoạn từ thế kỉ X đến XVI, nền kinh tế các quốc gia Đông Nam Á chủ yếu dựa vào:

- A. Nông nghiệp.
- B. Công nghiệp cơ khí hiện đại.
- C. Thương nghiệp biển phát triển mạnh vượt trội.
- D. Công nghiệp khai khoáng quy mô lớn.

Chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn đáp án bằng cách đánh dấu “Đúng” (Đ) hoặc “Sai”(S) vào bảng:

"Vào đầu thế kỉ XVI, một bộ phận người Mông Cổ ở Trung Á đã tấn công Ấn Độ. Sau khi đánh bại quân đội của vương triều Hồi giáo Đê-li, lập nên một đế quốc mới, mở ra thời kỳ thống nhất tương đối lâu dài cho Ấn Độ. Đế quốc này nhanh chóng trở thành một cường quốc mạnh về quân sự và kinh tế."

Câu hỏi: Đoạn tư liệu trên mô tả sự ra đời của đế quốc:

A. Đế quốc Gupta	
B. Đế quốc Mô-gôn	
C. Đế quốc Ôttôman	
D. Đế quốc Maurya	

Câu 15: Môi trường tự nhiên châu Phi phần lớn là môi trường nhiệt đới phân bố ở hai bên đường xích đạo.

- a) đúng
- b) sai

Câu 16: Khoáng sản châu Phi rất phong phú và đa dạng.

- a) đúng
- b) sai

Câu 17: Tăng dân số nhanh ở châu Phi không phải là nguyên nhân tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường.

- a) đúng
- b) sai

Câu 18: Tăng dân số nhanh ở châu Phi là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo.

- a) đúng
- b) sai

PHẦN III (1,0 ĐIỂM). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Học sinh trả lời từ câu 19 đến câu 22

Câu hỏi 19: Hiện nay châu Á có bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

Câu hỏi 20: Trên bản đồ chính trị, châu Á được phân chia thành những khu vực nào?

Câu hỏi 21: Khu vực Đông Nam Á gồm bao nhiêu quốc gia?

Câu hỏi 22: Khu vực nào của châu Á không tiếp giáp với đại dương?

B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM).

Câu 23: (1.5 điểm)

Những nhân tố nào làm cho châu Phi có khí hậu khô nóng?

Câu 24: (1.5 điểm)

Nêu chính sách cải cách của vua A-ơ -ba về lĩnh vực xã hội? Theo em, với chính sách đó thì xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn như thế nào?

HẾT

I. MA TRẬN

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
Phân môn Lịch sử																		
1	Chương 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI	Bài 8. Ấn Độ cổ đại	3 TN												3 TN			7,5%
		Bài 10. Hy Lạp cổ đại				1/2 TN	1/2 TN								1/2 TN	1/2 TN		10%
		Bài 11. La Mã cổ đại						1 TN					1/2 TL	1/2 TL		1/2 TL	1 TN+ 1/2 TL	25%
2	Chương 4. ĐÔNG NAM Á từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X	Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X	3 TN											3 TN			7,5%	
Tổng số câu PM Lịch sử			6			1/2	1/2	1					1/2	1/2	6+ 1/2	1/2 +1/2	1+ 1/2	9
Tổng số điểm PM Lịch sử			1,5			2,0						1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ % PM Lịch sử			15%			20%						15%			20%	15%	15%	50%

Phân môn Địa lí																			
1	Chương 2. Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời	Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời, hình dạng, kích thước của Trái Đất	3 TN												3 TN			7,5%	
		Bài 7. Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả							2 TN							2 TN			5%
	Chương 3. Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất	Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản	3 TN					1 TN							3 TN		1 TN	17,5 %	
2	Chương 4. Khí hậu và biến đổi khí hậu	Bài 12. Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất								2 TN			1 TL				1 TL	2 TN	20%
Tổng số câu PM Địa lí			6					1	2		2		1		8	1	3	12	
Tổng số điểm PM Địa lí			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0	
Tỉ lệ % PM Địa lí			15%			10%			10%			15%			20%	15%	15%	50%	

Tổng số câu	12	3	4	2	14+ 1/2	1+1/2 +1/2	4+1/ 2	21
Tổng số điểm	3,0	3,0	1,0	3,0	4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %	30%	30%	10%	30%	40%	30%	30%	100%

II. ĐẶC TẢ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Phân môn Lịch sử															
1	Chương 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI	Bài 8. Ấn Độ cổ đại	Nhận biết – Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ – Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ	3 TN (NL1)											
		Bài 10. Hy Lạp cổ đại	Nhận biết – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã Thông hiểu – Giới thiệu được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp Vận dụng – Nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp				1/2 TL (NL 1)	1/2 TN (NL 2)							
		Bài 11. La Mã cổ đại	Thông hiểu – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của La Mã. Vận dụng cao						1 TN (NL 3)					1/2 TL (NL 2)	1/2 TL (N3)

			- Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay												
	Chương 4. ĐÔNG NAM Á từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X	Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X	Nhận biết – Trình bày được sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á. – Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.	3 TN (NL1)											
Tổng số câu PM Lịch sử				6			1/2	1/2	1					1/2	1/2
Tổng số điểm				1,5			2,0						1,5		
Tỉ lệ %				15%			20%						15%		
Phân môn Địa lí															
1	Chương 2. Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời	Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời, hình dạng, kích thước của Trái Đất	Nhận biết – Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.	3 TN (NL 1)											
		Bài 7. Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả	Nhận biết – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.							2 TN (NL 1)					
	Chương 3. Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ TD	Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa	Nhận biết – Kể được tên 1 số loại khoáng sản. Vận dụng	3 TN (NL 1)					1 TN (NL 3)						

		hình chính. Khoáng sản	– Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.												
2	Chương 4. Khí hậu và biến đổi khí hậu	Bài 12. Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất	Thông hiểu – Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống. Vận dụng – Biết phân tích vai trò của các tầng khí quyển.									2 TN (NL 3)		1 TL (NL 2)	
Tổng số câu PM Địa lí				6					1	2		2		1	
Tổng số điểm PM Địa lí				1,5		1,0		1,0		1,5					
Tỉ lệ % PM Địa lí				15%		10%		10%		15%					
Tổng số câu				12		3		4		2					
Tổng số điểm				3,0		3,0		1,0		3,0					
Tỉ lệ %				30%		30%		10%		30%					

I. MA TRẬN

T T	Chươn g/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điể m
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận					
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn								
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vậ n dụn g
1	Chương 3 Ấn Độ từ TK IV đến giữa TK XIX	Vương triều Gúp-ta	2														5
		Vương triều Hồi giáo Đê-li	2														5
		Đế quốc Mô-gôn	2			1a	1b	1c,d					1/2	1/2			30
2	Chương 4 Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI	Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI				1a	1b	1c,d									10
Tổng số câu			6			2						1		6 + ½ (2 ý)	1 (½+ ½)	1+ ½ (4ý)	9

Tổng số điểm			1,5			2,0						1,5			2	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ %			15%			20%						15%			20%	20%	10 %	50 %
T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điể m
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng g	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng g	
1	Chương 2. Châu Á	Bài 5. Thiên nhiên châu Á	3TN												3TN			0,75 %
		Bài 6. Đặc điểm dân cư xã hội châu Á	1TN												1TN			0,25 %
		Bài 7. Bản Đồ chính trị châu Á, các khu vực châu Á	2TN								4TN				2TN		4TN	15%
2	Chương 3. Châu Phi	Bài 9. Thiên nhiên châu Phi					2TN						1TL		2TN	1TL	20%	
		Bài 10. Dân cư, xã hội Châu Phi				1TN	1TN								2TN		5%	
Tổng số câu			6			1	3				4			1	6	4	5	50%
Tổng số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			1,5	1,0	2,5	5,0
Tỉ lệ %			15%			10%			10%			15%			15%	20%	15%	50%

Tổng điểm LS-ĐL	3,0	3,0	1,0	3,0	3,5	2,5	4,0	10,0
Tỉ lệ	30%	30%	10%	30%	35%	25%	40%	100%

II. ĐẶC TẢ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				Biết	Hiểu	Vận dun g
1	Chương 3 Ấn Độ từ TK IV đến giữa TK XIX	Vương triều Gúp-ta	Nhận biết – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. Thông hiểu - Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX Vận dụng – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa	2											
		Vương triều Hồi giáo Đê-li		2											
		Đế quốc Mô-gôn		2				1a	1b	1c,d				1/2	1/2

			thế kỉ XIX												
2	Chương 4 Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI	Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI	Thông hiểu - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. Vận dụng - Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. Vận dụng cao - Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI có ảnh hưởng đến hiện nay				1a	1b	1c,d						
Tổng số câu				6			2						1		
Tổng số điểm				1,5			2,0						1,5		
Tỉ lệ %				15%			20%						15%		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chương 2.Châu Á	Bài 5.Thiên nhiên châu Á	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á..	3TN											
		Bài 6. Đặc điểm dân cư xã hội châu Á	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân số, phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á	1TN											
		Bài 7. Bản Đồ chính trị châu Á, các khu vực châu Á	Nhận biết: - Trên bản đồ Châu Á gồm 6 khu vực - Trình bày được một trong sáu khu vực ở châu Á Vận dụng: Chứng minh được đặc điểm các khu vực của châu Á	2TN								4TN			

Chương 3. Châu Phi	Bài 9. Thiên nhiên châu Phi	Thông hiểu: -Các môi trường tự nhiên Vận dụng: - Giải thích nhân tố làm cho khí hậu châu Phi khô và nóng					2TN							1TL
	Bài 10. Dân cư, xã hội châu Phi	Nhận biết: - Biết được những vấn đề về dân cư, xã hội Thông hiểu - Nêu được những di sản lịch sử				1TN	1TN							
Tổng số câu PM Địa lí			6			1	3				4			1
Tổng số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ %			15%			10%			10%			15%		

I. MA TRẬN

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHƯƠNG 3. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	Bài 6. Kinh tế, văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	4 TN												4 TN			10%
		Bài 8. Phong trào Tây Sơn			2 TN	1 TN		1 TN							1TN N		3TN	25%
2	CHƯƠNG 4. CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	Bài 9. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc											1 TL			1 TL		15%
Tổng số câu			4		2	1		1					1		5	1	3	9
Tổng số điểm			1,0		0,5	1,0		1,0					1,5		2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ			10%		5%	10 %		10%					15%		20 %	15%	15%	50%

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ																		
T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM	Bài 2. Đặc điểm của địa hình	2 TN												2 TN			5%
		Bài 3. Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế						1 TN									1 TN	10%
2	CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM	Bài 6. Đặc điểm khí hậu	2 TN						2 TN		2 TN				4 TN		2 TN	15%
		Bài 8. Đặc điểm thủy văn	2 TN										1 TL		2 TN	1 TL		20%
Tổng số câu			6					1	2		2		1		8	1	3	12
Tổng số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ			15%			10%			10%			15%			20 %	15%	15%	50%

II. ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN LỊCH SỬ															
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	CHƯƠNG 3. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	Bài 6. Kinh tế, văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	Nhận biết – Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu – Mô tả được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.	4 TN											
		Bài 8. Phong trào Tây Sơn	Nhận biết – Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ của phong trào Tây Sơn. Thông hiểu – Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn. Vận dụng			2 TN	1 TN		1 TN						

			– Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.										1 TL	
Tổng số câu PM Địa lí				6				1	2		2		1	
Tổng số câu PM Lịch sử				4		2	1	1					1	
Tổng số điểm PM Địa lí				1,5			1,0			1,0			1,5	
Tỉ lệ %				15%			10%			10%			15%	

DUYỆT CỦA TỔ CM TTCM	<i>Phủ An, ngày 01 tháng 12 năm 2025</i> Giáo viên ra đề
Võ Văn Thanh	Phan Thúy Hà Nguyễn Thị Thanh Hiền

I. MA TRẬN

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945	Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	1 câu	1 câu			1/2 câu (2 ý a,b)	1/2 câu (2 ý c,d)							1 câu	1+1/2 câu	1/2 câu	15%
		Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945	1 câu												1 câu			2,5%
2	Chương 3. Thế giới từ năm 1945 đến 1991	Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến 1991	1 câu	1 câu			1/2 câu (2 ý a,b)	1/2 câu (2 ý c,d)							1 câu	1+1/2 câu	1/2 câu	15%
		Bài 12. Mỹ La- tinh từ năm 1945 đến 1991	1 câu									1/2 câu		1/2 câu	1+1/2 câu		1/2 câu	17,5%

Tổng số câu PM Lịch sử			4 câu	2 câu			1 câu	1 câu				1/2 câu		1/2 câu	4+1/2 câu	3 câu	1+1/2 câu	9
Tổng số điểm PM Lịch sử			1,5			2,0						1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ % PM Lịch sử			15%			20%						15%			20%	15%	15%	50%
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ																		
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam	Dịch vụ	3 câu								1 câu				3 câu		1 câu	10%
2	Chương 3. Địa lí các vùng kinh tế xã hội	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc						1/2 câu 2 ý)			1 câu		1 câu			1 câu	1 câu + 1/2 câu	22,5%
		Vùng Đồng bằng sông Hồng	3 câu					1/2 câu 2 ý)	2 câu						5 câu		1/2 câu	17,5%
Tổng số câu PM Địa lí			6 câu					1 câu	2 câu		2 câu		1 câu		8 câu	1 câu	3 câu	12
Tổng số điểm PM Địa lí			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ % PM Địa lí			15%			10%			10%			15%			20%	15%	15%	50%
Tổng số câu			10 câu	2 câu			1 câu	2 câu	2 câu		2 câu	1/2 câu	1 câu	1/2 câu	12+1/2 câu	4 câu	4+1/2 câu	21

Tổng số điểm	3,0	3,0	1,0	3,0	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %	30%	30%	10%	30%	40%	30%	30%	100%

II. ĐẶC TẢ

[illegible]

			diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Thông hiểu – Nêu được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; chuẩn bị về lực lượng, sự ra đời của căn cứ địa – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng – Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.												
2	Chương 3. Thế giới từ năm 1945 đến 1991	Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	Nhận biết – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. Thông hiểu – Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.	1 câu (NL 1)	1 câu (NL 2)			1/2 câu (2 ý a,b) (NL 2)	1/2 câu (2 ý c,d) (NL 3)						

			Vận dụng – Đánh giá được sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.											
		Bài 12. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991	Nhận biết – Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba. Thông hiểu – Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. Vận dụng – Đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.	1 câu (NL 1)								1+1/2 câu (NL 1)		1/2 câu (NL 3)
Tổng số câu PM Lịch sử				4 câu	2 câu			1 câu	1 câu				1/2 câu	1/2 câu
Tổng số điểm PM Lịch sử				1,5			2,0						1,5	
Tỉ lệ % PM Lịch sử				15%			20%						15%	
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ														
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá										
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận	
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn				
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu

1	Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam	Dịch vụ	Nhận biết – Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. – Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. Thông hiểu – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, lịch sử văn hóa. Vận dụng – Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.	3 câu (NL 1)								1 câu (NL 3)			
2	Chương 3. Địa lí các vùng kinh tế xã hội	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Nhận biết – Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). Thông hiểu						1/2 câu 2 ý) (NL 3)			1 câu (NL 3)		1 câu (NL 2)	

			– Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; – Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. – Phân tích hoặc sơ đồ hóa được các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Vận dụng – Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).												
		Vùng Đồng bằng sông Hồng	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). Thông hiểu – Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản;	3 câu (NL 1)					1/2 câu 2 ý) (NL 3)	2 câu (NL 1)					

			– Trình bày được vấn đề phát triển kinh tế biển. – Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng. Vận dụng – Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội.												
Tổng số câu PM Địa lí				6 câu				1 câu	2 câu		2 câu		1 câu		
Tổng số điểm PM Địa lí				1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ % PM Địa lí				15%			10%			10%			15%		
Tổng số câu				10 câu	2 câu			1 câu	2 câu	2 câu		2 câu	1/2 câu	1 câu	1/2 câu
Tổng số điểm				3,0			3,0			1,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			30%			10%			30%		